

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-02-2020

V/v ly hôn với người mất tích

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm: Ông Triệu Tiến Lã, bà Hoàng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 12/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “ly hôn với người mất tích” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXX-ST HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vi Văn T. Địa chỉ: Thôn N, xã Xuân L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Mã Thị T1, sinh năm 1992. Là người bị tuyên bố mất tích. Nơi ĐKKTT và cư trú cuối cùng: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự và tại phiên tòa anh Vi Văn T trình bày: Anh Vi Văn T và chị Mã Thị T1 được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. sau khi kết hôn chị Mã Thị T1 chưa chuyển hẳn về nhà anh tại xã X, huyện C mà vẫn đi lại hai bên và Hộ khẩu thường trú vẫn ở tại Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn được 02 tháng chị Mã Thị T1 xin phép gia đình về nhà tại thôn K, xã H, sau đó đi làm giúp việc tại thành phố L, từ đó không có thông tin. Anh đã đi về nhà chú ruột của chị tên là Lý Văn B, mẹ đẻ là Mông Thị S để tìm nhưng không thấy, anh tìm mọi cách liên lạc nhưng không có kết quả. Thời điểm chị Mã Thị T1 mất tích hộ khẩu thường

trú tại nhà chú ruột là Lý Văn B tại thôn K, xã H, huyện B là nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích. Do chị Mã Thị T1 bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2013 đến nay không rõ tin tức, chị cũng không liên lạc về với gia đình.

Ngày 06/6/2019, anh Vi Văn T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị Mã Thị T1 và được Tòa án chấp nhận. Ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia đã ra quyết định số 04/2019/QĐST-VDS, tuyên bố chị Mã Thị T1 mất tích, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Thấy rằng, chị Mã Thị T1 đã bỏ đi biệt tích, không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với người mất tích là chị Mã Thị T1. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn: Chị Mã Thị T1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 27/11/2019. Tòa án thụ lý vụ án và đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa hôm nay ngày 12/02/2020, chị Mã Thị T1 vẫn vắng mặt. Vì vậy không có tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ pháp luật để xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự khi tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết các văn bản tố tụng, nên không có kiến nghị gì. Về nội dung đề nghị áp dụng các Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh Vi Văn T được ly hôn với người mất tích là chị Mã Thị T1, tài sản chung, nợ chung vợ chồng do không có, và nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét và giải quyết về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Do chị Mã Thị T1 đã bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn T và chị Mã Thị T1 có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Long, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Sau khi kết hôn được 02 tháng chị Mã Thị T1 đã bỏ nhà đi không có tin tức gì. Anh Vi Văn T đã thực hiện việc yêu cầu Tòa án tuyên bố

một người mất tích đối với chị Mã Thị T1 và được Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định số 04/2019/QĐST-VDS ngày 27/11/2019, tuyên bố mất tích đối với chị Mã Thị T1. Do chị Mã Thị T1 bỏ đi biệt, không quan tâm gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự, giải quyết cho anh Vi Văn T được ly hôn với chị Mã Thị T1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Xét lời trình bày của anh Vi Văn T và tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định vợ chồng anh Vi Văn T và chị Mã Thị T1 không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng, anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án anh Vi Văn T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng trong việc giải quyết vụ án.

[7] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Vi Văn T. Xử cho anh Vi Văn T được ly hôn với người bị tuyên bố mất tích là chị Mã Thị T1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về án phí: Anh Vi Văn T phải chịu án phí sơ thẩm là: 300.000, đồng (*ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Vi Văn T đã nộp đủ 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000687 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Anh Vi Văn T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Mã Thị T1 vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Đường sự;
- UBND xã Xuân Long, huyện Cao Lộc;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Khi

.

